| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B, TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 34/2018/HS-ST<br>Ngày 18-10-2018. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thái Văn Tùng.

*Các hội thẩm nhân dân*: 1.Ông Nguyễn Xuân Bắc.

2. Bà Nguyễn Phương Thảo.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Huyền Trang,Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Ông Lường Thành Long,Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số35/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hạng A P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 03 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nguyên là Kế toán xã M; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hạng A N (đã chết) và bà Giàng Thị K, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ Thào Thị N, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn nhất 05 tuổi, con nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án: Ngày 24/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 16 triệu đồng về tội "Đánh bạc"; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 16/5/2018 đến nay. Có mặt.

2. Cầm Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 01 năm 1986 tại huyện P, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản C, xã H1, huyện P, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nguyên là nhân viên hợp đồng xã M; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cầm Xuân T, sinh năm 1957 và bà Ngần Thị O, sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 23/5/2017 đến ngày 16/6/2018 được tại ngoại. Có mặt.

*- Bị hại:*

1.Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Lừ Văn C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La (chủ tài khoản số 9527.4.1007785 mở tại Kho bạc huyện B, tỉnh Sơn La). Có mặt.

2. Đảng ủy xã M, huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Lừ Văn X, Phó Bí thư Đảng ủy xã M, huyện B, tỉnh Sơn La (chủ tài khoản số 37711.4.100785.00000 mở tại Kho bạc huyện B, tỉnh Sơn La). Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Mùa A C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Anh Mùa A T; Sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Anh Mùa A C1; Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Bản C1, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lừ Văn C; Sinh năm 1982; Nơi cư trú: Bản C2, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Vàng A C2; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản S1, xã S, huyện P, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Y, Tổng cục VIII Bộ Công an. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Hà Văn C3; Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La (thủ quỹ quản lý tiền mặt của ngân sách xã M, huyện B, tỉnh Sơn La). Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, Hạng A P là kế toán ngân sách xã M và Cầm Văn H là nhân viên hợp đồng tri thức trẻ, phụ giúp việc cho kế toán xã M sáu lần được giao nhiệm vụ đi rút tiền tại Kho bạc Nhà nước huyện B về nộp vào ngân sách xã. Các bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ được giao rút tiền về không nộp hết vào ngân sách xã mà giữ lại một phần chi tiêu mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất,ngày 03/02/2016, Cầm Văn H được ông Lừ Văn C - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (UBND) kiêm chủ tài khoản số 9527.4.1007785 của xã M mở tại Kho bạc huyện B giao nhiệm vụ đi rút tiền tạm ứng chi lương, phụ cấp tháng 01, 02 năm 2016 tại Kho bạc Nhà nước huyện B theo Giấy rút dự toán ngân sách số 01 với số tiền 727.230.000 đồng. Hạng A P là người lập hóa đơn, chứng từ nên biết việc H được ông C cử đi rút tiền. Sau khi rút được tiền, P gọi điện cho H bảo đến phòng trọ của UBND xã M ở tiểu khu 4, thị trấn B, Hạng A P nói với H cho P vay 84.440.000đồng để P sử dụng vào việc sửa máy xúc, làm đường (bao gồm các khoản: tiền hỗ trợ tổng kết theo Nghị quyết 73 là 67.600.000 đồng, tiền thanh toán theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg, ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số là 4.000.000 đồng, tiền truy lĩnh phụ cấp đặc thù của anh Lừ Văn T là 12.840.000 đồng), P sẽ cho H số tiền 16.840.000đồng để chi tiêu. P hẹn khi nào thanh toán được tiền làm đường sẽ trả đủ cho H số tiền trên. H đồng ý và lấy ra số tiền 67.600.000 đồng đưa

cho P, còn H giữ lại số tiền 16.840.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Khi về đến xã M, Cầm Văn H nộp cho thủ quỹ xã là anh Hà Văn C3 số tiền 642.790.000đồng để chi trả theo quy định.

Lần thứ hai, ngày 26/7/2016, Cầm Văn H được Lừ Văn C giao nhiệm vụ lên Kho bạc Nhà nước huyện B rút tiền điện, tiền hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách quý I, II năm 2016 của xã M theo giấy rút tiền mặt số 01 ngày 26/7/2016 với số tiền 88.596.000 đồng. Sau khi rút được tiền, tại phòng trọ của UBND xã M, Hạng A P lại nói với H là P đang cần tiền sửa chữa máy xúc đang thi công đường tại xã L và đề nghị H cho vay số tiền vừa rút được, hẹn khi nào thanh toán được tiền làm đường sẽ trả lại cho H. H đồng ý và đưa cho Hạng A P vay toàn bộ số tiền vừa rút được gồm 88.596.000đồng. Sau khi nhận tiền, P đưa cho H số tiền 500.000 đồng để cảm ơn.

Lần thứ ba,ngày 05/10/2016, Cầm Văn H được Lừ Văn C giao nhiệm vụ lên Kho bạc Nhà nước huyện B rút tiền lương, phụ cấp của Đảng uỷ xã; tiền lương, phụ cấp của 05 khối đoàn thể; tiền lương HĐND - UBND; lương, phụ cấp Công an, Văn hoá và cán bộ hưu trí; lương, phụ cấp quân sự xã M theo Phiếu giao việc số 235/PGV ngày 05/10/2016 với tổng số tiền ghi trong các Giấy rút dự toán ngân sách số 01, 02, 03, 04, 05 ngày 05/10/2016 là 249.632.000đồng. Sau khi rút được tiền từ Kho bạc Nhà nước huyện B, tại phòng trọ của UBND xã M, Hạng A P lại nói cần tiền sửa chữa máy xúc và đề nghị H cho P vay toàn bộ số tiền vừa rút được; hẹn khi nào thanh toán được tiền làm đường sẽ trả lại cho H. H đồng ý và đưa cho P số tiền 249.632.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P đưa cho H 3.000.000 đồng để cảm ơn.

Lần thứ tư,ngày 21/10/2016, Cầm Văn H được Lừ Văn X là Phó Bí thư Đảng uỷ xã M kiêm chủ tài khoản số 3711.4.1007785.00000 mở tại Kho bạc huyện B giao nhiệm vụ lên Kho bạc Nhà nước huyện B rút tiền chi Hội nghị Ban Thường vụ, tiền chi Hội nghị Ban chấp hành theo gấy rút tiền mặt số 04 ngày 21/10/2016 do Lừ Văn X ký với số tiền 15.690.000 đồng. Sau khi rút được tiền về, tại phòng trọ của UBND xã M, H đã cho Hạng A P vay toàn bộ số tiền vừa rút được tại Kho bạc theo đề nghị của Hạng A P.

Lần thứ năm**,** ngày 02/11/2016, Cầm Văn H được Lừ Văn C giao nhiệm vụ đi rút tiền lương, phụ cấp tháng 11/2016 của cán bộ, công chức xã M theo giấy giao việc 263/PGV ngày 02/11/2016 với tổng số tiền ghi trong các Giấy rút dự toán ngân sách số 01, 02, 03, 04, 05 và số 12, 13, 14, 15, 16 là: 340.730.000 đồng. Sau khi rút được tiền về, thì Hạng A P bảo Cầm Văn H cho P vay toàn bộ số tiền vừa rút được nêu trên để P trả cho H khoản tiềnlương, phụ cấp tháng 10/2016 của cán bộ, công chức xã M là 249.632.000 đồng mà P vay trước đó và cho H số tiền 6.000.000đồng. H đồng ý và đưa cho Hạng A P số tiền 85.098.000 đồng. Khi về đến UBND xã M, Cầm Văn H đã nộp cho thủ quỹ của xã số tiền 249.632.000 đồng để chi trả lương tháng 10/2016 cho cán bộ, công chức xã và H giữ lại 6.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Lần thứ sáu,ngày 14/11/2016, Cầm Văn H được Lừ Văn X giao nhiệm vụ lên Kho bạc Nhà nước huyện B rút tiền chi Tổng kết công tác xây dựng Đảng năm

2016 theo gấy rút tiền mặt số 05 ngày 14/11/2016 với số tiền là 22.620.000đồng. Sau khi rút được tiền, tại phòng trọ của UBND xã M, Hạng A P đề nghị được vay tiền, H đã cho P vay toàn bộ số tiền vừa rút được.

Việc Cầm Văn H cho Hạng A P vay các khoản tiền rút được từ Kho bạc nêu trên,Cầm Văn H không báo cáo lại Chủ tịch UBND, Phó Bí thư đảng ủy xã. Thấy cán bộ, công chức vẫn chưa được lương tháng 11/2016, ngày 25/11/2016 Lừ Văn C - Chủ tịch UBND xã đã đến Kho bạc Nhà nước huyện B kiểm tra mới biết Cầm Văn H đã rút tiền nhưng không nhập quỹ xã, mà tự ý cho Hạng A P vay sử dụng cá nhân và Hạng A P đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên anh C đã báo cáo cơ quan CSĐT Công an huyện B để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trong thời gian từ 03/2/2016 đến 14/11/2016, Cầm Văn H đã cho Hạng A P vay sử dụng cá nhân các khoản tiền của ngân sách UBND và đảng ủy xã M với tổng số tiền là: 801.708.000đồng, trong đó, Hạng A P đã trả lại cho Cầm Văn H số tiền 249.632.000 đồng; còn lại 552.076.000 đồng, Hạng A P chưa trả cho Cầm Văn H, đây là số tiền Hạng A P và Cầm Văn H đã gây thiệt hại cho ngân sách xã M. Trong đó, Hạng A P được hưởng lợi 525.736.000 đồng còn Cầm Văn H được hưởng lợi 26.340.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cầm Văn H đã nộp bồi thường cho Đảng uỷ, UBND xã M số tiền 188.310.000 đồng. Số tiền còn lại là 363.766.000 đồng, do Hạng A P và Cầm Văm H không có khả năng bồi hoàn, nên Lừ Văn C là Chủ tịch UBND xã M đã sử dụng tiền của gia đình nộp đủ vào quỹ xã M để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của P và H gây ra. Toàn bộ số tiền 552.076.000 đồng do Cầm Văn H và Lừ Văn C khắc phục hậu quả đã được Đảng uỷ, UBND xã M chi trả theo quy định.

Trong quá trình vay mượn tiền giữa Cầm Văn H và Hạng A P có làm 03 giấy giao nhận tiền và hai bên đều ký nhận. Kết quả giám định chữ ký Hạng A P của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ ký đứng tên Hạng A P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 với chữ ký đứng tên Hạng A P trên tài liệu mẫuso sánh ký hiệu M1, M2 là chữ ký của cùng một người (Hạng A P).

Vật chứng, tài sảnthu giữ của vụ án gồm: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream màu sơn nâu; BKS 26D1- 08942, số máy: 1643152, số khung:343078, xe cũ đã qua sử dụng. Trên thân xe, yên xe có nhiều vết xước đã cũ; 01 đăng ký môtô, xe máy số 011166 do Công an huyện P, tỉnh Sơn La cấp ngày 19/7/2013, mang tên Cầm Văn H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bạc, có số model code: NP-RV509-A01VN; số s/n: EZVK93NB500008Z. Máy cũ, đã qua sử dụng, vỏ ngoài có nhiều vết sây xước, sơn vỏ ngoài bị mòn nhiều chỗ.

Ngoài việc cùng Cầm Văn H thực hiện hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ như nêu trên. Hạng A P còn một mình thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản tại Trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B vào rạng sáng ngày 14/6/2017. Cụ thể như sau:

Ngày 25/11/2016, sau khi vụ việc tại xã M bị phát hiện, P bỏ trốn đến xã M1 huyện T1, tỉnh Lai Châu. Đến ngày 12/6/2017, do hết tiền tiêu nên Phồng nảy sinh ý định thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã T, huyện B, tỉnh Sơn La nên P gọi điện thoại cho chị Lộc Thị Thu H là kế toán xã M để hỏi có lương chưa thì chị H trả lời là "mai mới rút". Biết là thủ quỹ xã T sắp đi rút tiền mang về cất trong két sắt tại trụ sở UBND xã T nên P bắt đầu thực hiện ý định trộm cắp tài sản. Để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, P mua các công cụ bao gồm: 01 chiếc máy cắt kim loại (Phồng không nhớ loại và nhãn hiệu), 03 lưỡi cắt kim loại hình tròn, 01 dụng cụ dùng để tháo lắp lưỡi cắt, 01 ổ điện màu trắng được đấu nối với một đoạn dây diện dài khoảng 10m, 01 chiếc kìm điện cán bọc nhựa màu đỏ, 01 chiếc tô - vít 2 đầu (Một đầu 4 cạnh và một đầu hai cạnh). Ngoài ra P còn mang theo các đồ vật do P đã có từ trước, gồm có: 01 chiếc mũ tai bèo màu hồng có khẩu trang che mặt, 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, 01 con dao mũi bằng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, có màn hình cảm ứng. Sau khi chuẩn bị xong, Phồng đi xe máy WAVE màu xanh đen, không có biển kiểm soát của mìnhtừ xã M1, huyện T1, tỉnh Lai Châu về xã T, huyện B. Đến 17 giờ 22 phút ngày 13/6/2017, P nhắn tin vào số điện thoại của chị H với nội dung: "Rút được lương chưa, gửi số điện thoại của thủ quỹ anh xin với", chị H nhắn tin lại: "Ai thế ạ", P nhắn tiếp: "Công an viên bản K mà hôm qua gọi em bảo hôm nay rút mà", chị H nhắn tin lại: "A T đang đi rút thôi, A T T 01648900827". Lúc này P đoán tiền lương, phụ cấp của cán bộ công chức xã T đã được rút từ Kho bạc nhà nước và mang về xã T nên đi mua thêm 01 chai xăng loại 1,25lít và cho vào chiếc ba lô của P cùng với các dụng cụ đã chuẩn bị trước đó rồi điều khiển xe máy về xã T, huyện B, khi cách đường rẽ vào xã T khoảng 2km, P để xe vào một đường dân sinh cạnh đường tỉnh lộ 112, cầm theo chiếc ba lô và đi bộ đến trụ sở UBND xã T. Đến 0h 00’ ngày 14/6/2017, P vào trụ sở xã T, đi thẳng đến phòng làm việc của bộ phận tài chính, kế toán xã T. Do cửa phòng đã bị khóa nên P đấu điện vào ổ cắm ở hành lang rồi dùng máy cắt cắt đứt móc khóa rồi đi vào phòng thấy có 04 chiếc két sắt, trong đó có 02 chiếc đã cũ để chồng lên nhau ở góc phòng bên trong, phía bên trái và 01 chiếc két còn mới để ở góc phòng bên trong, phía bên phải theo hướng từ ngoài vào, 01 chiếc nhỏ hơn để ở giữa, sát tường đối diện cửa ra vào. P đi thẳng đến chiếc két sắt còn mới để ở góc bên phải rồi cắm dây nguồn của chiếc máy cắt vào ổ điện có sẵn trong góc phòng và dùng máy cắt, cắt đứt cả hai chiếc bản lề của cửa chiếc két sắt này, khi cắt xong P mở cửa két nhưng không mở được nên P tiếp tục dùng máy cắt, cắt thẳng vào cạnh cửa két đối diện với cạnh cửa có bản lề. Khi cả 03 chiếc lưỡi cắt đã mòn hết nhưng không cắt đứt được chốt cửa két. Phồng dùng con dao mũi bằng và chiếc tô vít mang theo cậy vào phần tiếp giáp giữa cửa két và thân két phía bên có bản lề đã bị P cắt đứt rời trước đó. P cậy, bẩy khoảng 5, 6 lần thì cánh cửa két bung rời khỏi thân két, rơi xuống nền nhà. P kiểm tra trong két thì thấy có 02 tờ tiền loại 10.000 đồng và 01 tờ tiền loại 5.000 đồng. P nhặt số tiền này cất vào trong ba lô. Sau đó, P tiếp tục dùng dao và tô vít cậy phá ngăn phụ của chiếc két này nhưng không có tiền. Lúc này, P nghĩ số tiền lương, phụ cấp của cán bộ công chức xã T để ở trong chiếc két nhỏ hơn, để giáp với tường đối diện cửa ra vào. Do đó, P lấy toàn bộ công cụ cho vào trong ba lô rồi đi ra ngoài để tìm dụng cụ để mở chiếc két sắt. Khi đến gầm cầu thang dẫn lên tầng 2 của trụ sở, P thấy có 01 quả tạ tay (loại tạ tự chế)

để dưới gầm cầu thang, P nhấc thử lên thấy nặng nên nghĩ sẽ sử dụng quả tạ này để đập phá cửa két. Vì sợ đập phá cửa két sẽ gây tiếng động lớn nên P để lại chiếc ba lô tại vị trí của quả tạ rồi quay lại phòng làm việc của tài chính, kế toán xã, dùng hai tay bám vào phía trên của két sắt, lật nghiêng chiếc két và xoay để di chuyển chiếc két sắt đó khỏi vị trí ban đầu. P thực hiện việc xoay, vần chiếc két sắt nhiều lần, di chuyển chiếc két đó ra khỏi phòng, đi theo hành lang, qua sân Ủy ban, ngang qua đường liên bản đến mép ta luy âm giáp với nương dong của anh Mùa A P1. P đẩy chiếc két đó lăn xuống hướng tà luy âm, vào khu nương dong rồi quay lại lấy chiếc ba lô và quả tạ tay mang ra vị trí chiếc két tại nương dong. Tại đây, P dùng quả tạ tay đập nhiều lần vào góc cửa két sắt, phía có chốt ngầm bên trong cửa két đến khi cửa két bung ra khỏi thân két, P bê cửa két để sang bên cạnh và dùng điện thoại soi vào bên trong két thì thấy có giấy tờ, sổ sách và nhiều tập tiền được buộc thành từng tập và một số tiền lẻ nhiều loại mệnh giá khác nhau để rời bên ngoài. P lấy hết số tiền đó cho vào trong ba lô và tiếp tục dùng quả tạ đập phá ngăn phụ của chiếc két đến khi cửa ngăn phụ bung ra, thấy bên trong ngăn phụ cũng có tiền nên P lấy toàn bộ số tiền đó cho vào ba lô.

Lấy tiền xong, P khoác ba lô lên vai, xách chiếc tạ tay đi bộ tắt qua nương dong, quay lại chỗ để xe máy,trên đường đi, P đã ném chiếc tạ tay xuống tà luy âm. P điều khiển xe quay về thị trấn B. Sau đó, tiếp tục điều khiển xe theo đường Quốc lộ 37 về hướng huyện M, tỉnh S đến. cầu T1, Phồng dừng xe và vứt xuống sông Đ gồm: 01 chiếc máy cắt, 03 phần còn lại của 03 lưỡi cắt, 01 dụng cụ dùng để tháo lắp lưỡi cắt, 01 chiếc tô - vít, 01 chiếc kìm điện, 01 ổ điện màu trắng nối với một đoạn dây điện dài khoảng 10m. Số công cụ còn lại gồm: 01 con dao mũi bằng, 01 chiếc điện thoại, 01 chiếc ba lô, 01 chiếc mũ tai bèo và số tiền trộm cắp được P mang theo và đi tiếp khi đến địa phận bản H2, xã C3, huyện M2, P điều khiển xe rẽ vào một đường dân sinh phía bên phải Quốc lộ 37 (theo hướng B – M2), đi được khoảng 300m thì P dừng xe, để xe ở cạnh đường dân sinh và cầm theo ba lô, đi bộ xuống phía tà luy âm 25m. Lúc này khoảng 5 giờ ngày 14/6/2017. P lấy toàn bộ số tiền đã trộm cắp được ra kiểm đếm được là 298.855.000 đồng. Trong đó, số tiền để rời bên ngoài là 855.000đồng, số tiền được buộc thành từng tập là 298.000.000 đồng. P lấy ra 7.455.000 đồng để cầm theo sử dụng. Số tiền còn lại là 291.400.000 đồng P lấy chiếc áo sơ mi màu đen để trong ba lô ra bọc lại và chôn giấu tại một gốc cây ở vị trí đó. Sau đó, P đi xuống Hà Nội. Đến nơi, P bán chiếc xe máy của mình cho một người đàn ông không quen biết được 2.000.000đồng, sau đó đi thuê trọ và đi chơi tại Hà Nội khoảng 7 - 8 ngày. Khi hết tiền, P đi về địa điểm đã chôn giấu tiền rồi lấy toàn bộ số tiền đã chôn giấu, mang theo và bắt xe khách đến huyện T1, tỉnh Lai Châu để lẩn trốn. Trên đường đi P vứt chiếc sim điện thoại đã dùng để liên lạc với chị H và chiếc áo sơ mi dùng để bọc số tiền tại một địa điểm không nhớ cụ thể. Đến thị trấn T1, P dùng tiền đã trộm cắp được để chi trả tiền nghỉ trọ và mua sắm một số đồ vật cụ thể như sau:

Ngày 07/7/2017, P đến đại lý xe máy HONDA Trường T tại Khu 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Lai Châu và mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại: BLADE, màu sơn xanh đen; có số máy: JA36E0505244, số khung: 3652GY029307, hết 21.800.000 đồng. Khi làm giấy tờ mua bán xe, P sử dụng giấy

chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Vàng A C, sinh năm 1988, trú tại bản S1, xã S2, huyện P, tỉnh Sơn La mà P đã nhặt được từ trước. Do đó, đại lý xe máy HONDA Trường T đã làm thủ tục đăng ký chiếc xe trên cho P mang tên Vàng A C, có biển kiểm soát: 26D1 - 228.63.

Ngày 03/3/2018, P đi mua 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại máy A83, màu hồng và 01 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 01237667151 hết tổng cộng 4.355.000đồng tại một cửa hàng bán điện thoại tại thị trấn T1 để sử dụng.

Số tiền còn lại là: 265.245.000đồng, P dùng thuê phòng trọ, ăn uống và đánh lô, đề tại nhiều địa điểm, với nhiều người P không biết tên và địa chỉ. Đến ngày 16/5/2018, khi P quay lại huyện B thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B triệu tập đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, P khai nhận toàn bộ hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của mình tại xã M và hành vi trộm cắp tài sản tại UBND xã T, huyện B.

Số tiền 298.855.000 đồng mà Hạng A P trộm cắp tại Trụ sở UBND xã T vào rạng sáng ngày 14/6/2017 được xác định gồm: 288.854.000đồng là tiền lương, phụ cấp tháng 6/2017 của cán bộ, công chức xã T. 9.976.000đồng là tiền cá nhân của anh Mùa A T (là thủ quỹ xã). 25.000đồng là tiền cá nhân của anh Mùa A C1 (là cán bộ của UBND xã T). Số tiền 4.000.000 đồng tạm giữ khi khám nghiệm hiện trường được xác định là của cá nhân anh Mùa A C1 để trong két.

Vật chứng, tài sản thu giữ của Hạng A P gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đen xanh, Biển kiểm soát: 26D1 22863, số máy: JA36E0505244, số khung: 3652GY029307, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010846 do Công an huyện P cấp ngày 11/7/2017, mang tên Vàng A C; 01 chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu OPPO A83, kiểu máy CPA1729, kèm theo 01 sim điện thoại có số thuê bao 0123.766.7151; 01 giấy chứng minh nhân dân số 050668236 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 25/7/2007, mang tên Vàng A C; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AF733617 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên bái cấp ngày 16/6/2008, mang tên Vàng A C; 01 con dao mũi bằng, chuôi bằng tre hình trụ tròn dài 15cm, đường kính 2,8cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, chỗ rộng nhất 6,2cm, chỗ hẹp nhất 03cm, sống dao dày 0,4cm, đầu lưỡi dao vát thành hình cánh cung dài 02cm; 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, màu đỏ đen, có 02 quai đeo, ba lô cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc mũ tai bèo đã cũ màu hồng, có khẩu trang che mặt.

Vật chứng Thu giữ khi khám nghiệm hiện trường tại UBND xã T gồm: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture;+ 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.000.000 đồng; 01 bì thư do bưu điện phát hành mặt trước ghi "01 khóa Việt Tiệp", mặt sau có 05 chữ ký của người tham gia và 01 con dấu của Công an huyện B; 01 bì thư do bưu điện phát hành mặt trước ghi "Mẫu mạt sắt", mặt sau có 05 chữ ký của người tham gia và 01 con dấu của Công an huyện B; 01 bì thư do bưu điện phát hành mặt trước ghi "Vỏ công tắc điện", mặt sau có 05 chữ ký của người tham gia và 01 con dấu của Công an huyện B; 01 con dao niêm phong vào tờ giấy báo niêm phong có 05 chữ ký của người tham gia và 01 con

dấu của Công an huyện B; 01 vỏ đựng giấy A4 niêm phong dán kín có 06 chữ ký của người tham gia;

Vật chứng thu giữ sau khi thực nghiệm điều tra và truy tìm vật chứng gồm:18 tập tiền mô hình bằng giấy; 01 quả tạ tay mô hình, hai đầu bằng giấy nối với nhau bằng 1 thanh tre dài 60cm; 01 con dao mô hình, cán dao bằng tre hình trụ tròn dài 15cm, đường kính 2,8cm, lưỡi dao bằng nhựa cứng dài 22cm, chỗ rộng nhất 6,2cm, chỗ hẹp nhất 03cm; 01 chai nước loại 1,25lít; 01 quả tạ tay bằng kim loại nặng 16kg, hai đầu hình trụ tròn, đường kính 10cm, chỗ dài nhất 13cm, chỗ ngắn nhất 10cm, hai đầu quả tạ được nối với nhau bằng 1 thanh kim loại hình trụ tròn có chiều dài 23,5cm, đường kính 03cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/HĐĐG, ngày 09/8/2018của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniturecó trị giá: 1.187.500 đồng; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát có trị giá: 2.062.500 đồng. 01 ổ khóa Việt Tiệp trị giá 50.000 đồng.

Tại phiên tòa công khai cácbị cáo Hạng A P, Cầm Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSBY ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Hạng A P phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Cầm Văn H phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 58Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hạng A P từ 06 đến 07năm tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", 07 đến 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 13 đến 15 năm tù; Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Cầm Văn H từ 3 năm 06 tháng đến 4 năm tù.Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;khoản 1; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.Trả lại cho bị cáo Cầm Văn H: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream màu sơn nâu; BKS 26D1-08942; 01 đăng ký môtô, xe máy số 011166 cấp ngày 19/7/2013, mang tên Cầm Văn H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bạc, có số model code: NP-RV509-A01VN; số s/n: EZVK93NB500008Z.

Tịch thu tiêu hủy số tài sản gồm: 01 con dao mũi bằng, chuôi bằng tre; 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, màu đỏ đen;01 chiếc mũ tai bèo đã cũ màu hồng, có khẩu trang che mặt; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 cánh cửa két sắt

nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có 01 khóa Việt Tiệp; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có mẫu mạt sắt; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có vỏ công tắc điện; 01 con dao cho vào tờ giấy báo niêm phong; 01 vỏ đựng giấy A4 đã niêm phong; 18 tập tiền mô hình bằng giấy;01 quả tạ tay mô hình; 01 con dao mô hình; 01 chai nước loại 1,25lít.

Trả lại 01 quả tạ tay bằng kim loại nặng 16kg, hai đầu hình trụ tròn, đường kính 10cm cho UBND xã T; trả lại cho anh Mùa A C1 số tiền 4.000.000 đồng.

Trả lại cho anh Vàng A C số tài sản gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 050668236 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 25/7/2007, mang tên Vàng A C; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AF733617 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên bái cấp ngày 16/6/2008, mang tên Vàng A C.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đen xanh, Biển kiểm soát: 26D1 22863, số máy: JA36E0505244, số khung: 3652GY029307, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010846 do Công an huyện P cấp ngày 11/7/2017, mang tên Vàng A C; 01 chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu OPPO A83, kiểu máy CPA1729, kèm theo 01 sim điện thoại có số thuê bao 0123.766.7151.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hạng A P phải bồi hoàn cho anh Lừ Văn C số tiền 363.766.000 đồng, bồi hoàn cho Cầm Văn H 161.970.000 đồng.

Buộc bị cáo Hạng A Phồng phải bồi thường cho UBND xã Tà Xùa số tiền 288.854.000 đồng, tiền trị giá 2 chiếc két sắt bị thiệt hại là 3.250.000 đồng và tiền một ổ khóa việt tiệp là 50.000 đồng. Buộc Hạng A Phồng phải bồi thường cho anh Mùa A Tếnh số tiền 9.976.000 đồng. Bồi thường cho anh Mùa A Chứ 25.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Hạng A P tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại và người liên quan. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng về chiếc xe máy Biển kiểm soát: 26D1 22863 và chiếc 01 chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu OPPO A83 bị cáo đề nghị bán đấu giá lấy tiền trả trừ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt của UBND xã T và của Mùa A T vì chiếc xe máy và chiếc điện thoại có được là do bị cáo lấy tiền lấy được của xã và anh Tếnh để mua.

Ý kiến của bị cáo Cầm Văn H tự bào chữa:Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt chobị cáo Đề nghị bị cáo Hạng A P bồi hoàn lại số tiền 161.970.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường thay bị cáo P.

Bị hại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Lừ Văn C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La; Đảng ủy xã M,huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Lừ Văn X – Phó Bí

thư Đảng ủy xã M, huyện B, tỉnh Sơn La trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, đại diện theo pháp luật là ông Mùa A C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Sơn La: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị bị cáo Hạng A P phải bồi thường cho UBND xã T số tiền 288.854.000 đồng và tiền trị giá 2 chiếc két sắt bị thiệt hại là 3.250.000 đồng. Trị giá một ổ khóa Việt Tiệp là 50.000 đồng và một quả tạ tay. Về hình phạt đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Mùa A T trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu bị cáo Hạng A P phải bồi thường số tiền 9.976.000 đồng và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Mùa A C1 trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng cơ quan điều tra tạm giữ và yêu cầu bị cáo Hạng A P phải bồi thường số tiền 25.000 đồng. Về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lừ Văn C tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu bị cáo Hạng A P phải bồi hoàn số tiền 363.766.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo phạm tội lần đầu, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vàng A C vắng mặt do đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Y, Tổng cục VIII Bộ Công an, anh C vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt anh C đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội củacác bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H, có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong thời gian từ ngày 03/2/2016 đến ngày 14/11/2016, Cầm Văn H sáu lần được Lừ Văn C (Chủ tịch UBND kiêm chủ tài khoản số 9527.4.1007785 của xã M mở tại Kho bạc huyện B) và Lừ Văn X (Phó Bí thư Đảng uỷ xã M kiêm chủ

tài khoản số 3711.4.1007785.00000 mở tại Kho bạc huyện B) giao nhiệm vụ đi rút tiền lương, phụ cấp và các khoản tiền cho hoạt động của Đảng uỷ, UBND; tiền hỗ trợ hộ nghèo, chính sách xã M với tổng số tiền là 1.444.498.000 đồng. Sau khi biết bị cáo H rút được tiền tại Kho bạc, bị cáo Hạng A P đã chủ động liên lạc và đề nghị vay số tiền ngân sách xã dù biết làm như vậy là trái với công vụ. Sau khi được bị cáo P hứa hẹn sẽ cho một số tiền nhất định để cảm ơn việc cho vay tiền thì bị cáo H đã đồng ý cho P vay tiền sáu lầnvới tổng số tiền là: 801.708.000đồng có 3 lần làm bản kê giao nhận tiền. Sau đó Hạng A P đã trả lại cho Cầm Văn H số tiền 249.632.000 đồng để nộp vào ngân sách xã, còn lại 552.076.000 đồng bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H đã chiếm đoạt sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Trong đó bị cáo Hạng A P được hưởng lợi 525.736.000 đồng còn bị cáo Cầm Văn H được hưởng lợi 26.340.000 đồng. Bị cáo Hạng A P do không có khả năng trả tiền nên đã bỏ trốn khỏi địa phương sau khi sự việc bị phát hiện.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Cầm Văn H bồi thường 188.310.000 đồng và Lừ Văn C đã ứng nộp 363.766.000 đồng bồi hoàn được cho Đảng uỷ, UBND xã M để khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo P, bị cáo H gây ra. Toàn bộ số tiền do bị cáo Cầm Văn H và Lừ Văn C nộp đã được Đảng uỷ, UBND xã M chi trả theo quy định.

Ngoài ra trong thời gian bỏ trốn khỏi địa phương bị cáo Hạng A P không có tiền tiêu sài, nên đầu tháng 5/2018 bị cáo đã nảy sinh ý định Trộm cắp tài sản là tiền lương, phụ cấp của cán bộ, công chức xã T, huyện B. Bị cáo đã gọi điện thoại cho chị Lộc Thị Thu H là kế toán xã T với mục đích dò hỏi đã rút được lương chưa. Sau khi biết được thủ quỹ xã T đã đi rút lương, bị cáo Hạng A P đã chuẩn bị công cụ gồm: 01 chiếc máy cắt kim loại, 03 lưỡi cắt kim loại hình tròn, 01 dụng cụ dùng để tháo lắp lưỡi cắt, 01 ổ điện màu trắng được đấu nối với một đoạn dây diện dài khoảng 10m, 01 chiếc kìm điện cán bọc nhựa màu đỏ, 01 chiếc tô - vít 2 đầu (Một đầu 4 cạnh và một đầu hai cạnh), 01 chiếc mũ tai bèo màu hồng có khẩu trang che mặt, 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, 01 con dao mũi bằng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, có màn hình cảm ứng để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Sau khi chuẩn bị các công cụ cần thiết, khoảng 00 giờ ngày 14/6/2017, P đi bộ đến phòng làm việc của bộ phận tài chính, kế toán xã T, dùng máy cắt cắt đứt móc khóa rồi đi vào phòng, thấy có 04 chiếc két sắt P đi thẳng đến chiếc két sắt còn mới để ở góc bên phải dùng máy cắt, cắt đứt cả hai chiếc bản lề của cửa két sắt, sau đó cắt cạnh cửa két đối diện với cạnh cửa có bản lề. Khi không cắt đứt được chốt cửa két. Bị cáo dùng con dao mũi bằng và chiếc tô vít mang theo cậy bẩy thì mở được cửa két, kiểm tra trong két thì thấy có 25.000 đồng gồm 02 tờ tiền loại 10.000đồng và 01 tờ tiền loại 5.000đồng.bị cáo P nhặt số tiền này cất vào trong ba lô.Sau đó, bị cáo tiếp tục dùng dao và tô vít cậy phá ngăn phụ của chiếc két này nhưng không có tiền. Lúc này, bị cáo nghĩ số tiền lương, phụ cấp của cán bộ công chức xã T để ở trong chiếc két nhỏ hơn, để giáp với tường đối diện cửa ra vào. Do đó, P lấy toàn bộ công cụ cho vào trong ba lô rồi đi ra ngoài để tìm dụng cụ để mở chiếc két sắt Sau đó, bị cáo lấy toàn bộ công cụ cho vào trong ba lô rồi đi ra ngoài để lấy 01 quả tạ tay để dưới gầm cầu thang nhằm mục đích đập phá cửa két. Vì sợ đập phá cửa két sẽ gây tiếng động lớn nên bị cáo xoay, vần và di chuyển

chiếc két sắt ra khỏi phòng đến mép ta luy âm gần trụ sở UBND xã T và đẩy chiếc két đó lăn xuống hướng tà luy âm, vào khu nương dong rồi quay lại lấy chiếc ba lô và quả tạ tay mang ra vị trí chiếc két tại nương dong. Tại đây, bị cáo dùng quả tạ tay đập nhiều lần vào góc cửa két sắt và mở được cửa chính và cửa phụ của két sắt. Bị cáo dùng điện thoại soi vào bên trong két lấy hết số tiền trong két cho vào trong ba lô.

Sau khi lấy được tiền, bị cáo Hạng A P đi đến địa phận bản H2, xã C3, huyện M2 lấy toàn bộ số tiền đã trộm cắp được ra kiểm đếm được là 298.855.000 đồng. Số tiền này bị cáo sử dụng để mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại: BLADE, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát: 26D1 - 228.63 hết 21.800.000đồng; mua 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, loại máy A83, màu hồng và 01 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 01237667151 hết4.355.000đồng. Số tiền còn lại là: 272.700.000đồngbị cáosử dụng để thuê phòng trọ, ăn uống và đánh lô, đề hết. Đến ngày 16/5/2018, khi P quay lại huyện B bị bắt để tạm giam.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định tổng số tiền trong két sắt của UBND xã T bị mất trộm vào ngày 14/6/2017 là 298.855.000đồng, gồm: 288.854.000đồng là tiền lương, phụ cấp tháng 6/2017 của cán bộ, công chức xã T. 9.976.000đồng là tiền cá nhân của anh Mùa A T (là thủ quỹ xã). 25.000đồng là tiền cá nhân của anh Mùa A C1 (là cán bộ của UBND xã T). Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/HĐĐG, ngày 09/8/2018của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniturecó trị giá: 1.187.500 đồng. 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát có trị giá: 2.062.500 đồng. 01 ổ khóa Việt Tiệp trị giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Hạng A P đã chiếm đoạt và gây thiệt hại là 302.155.000 đồng (ba trăm linh hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Xét hành vi trên của các bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H là rất nguy hiểm cho xã hội,bản thân các bị cáo đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra, kiểm soát của chủ tài khoản, đã trực tiếp xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích của tổ chức, cá nhân, gâyảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, làm trái công vụ được giao, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân xã M với tổng số tiền là 552.076.000 đồng, trong đó tiền của ngân sách Ủy ban nhân dân xã M là 513.766.000 đồng và tiền của Đảng ủy xã M là 38.310.000 đồng. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với hành vi của bị cáo Hạng A P thực hiện ngày 14/6/2017, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt số tiền là 298.855.000đồng. Hành vi của bị cáo Hạng A P đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và

hình phạt được quy định tạiđiểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Như vậy, việc Tòa án xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án.

Bị cáo Hạng A P là kế toán ngân sách xã M và bị cáo Cầm Văn H là nhân viên hợp đồng tri thức trẻ phụ giúp việc cho kế toán ngân sách xã M, các bị cáo là người có trình độ hiểu biết nhất định, đã được đào tạo qua các trường, lớp, có khả năng nhận thức và am hiểu pháp luật nhưng vì vụ lợi cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt mà các bị cáo được giao quản lý làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, cá nhân xã M với tổng số tiền bị thiệt hại là 552.076.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, được quy định tại khoản 3, Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm nay là điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Ngoài ra, bị cáo Hạng A P còn thực hiện hành vi chiếm đoạt và gây thiệt hại số tài sản có giá trị 302.155.000 đồng (ba trăm linh hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt và gây thiệt hại là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3, điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo là đồng phạm theo quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự tổ chức, phân công, câu kết chặt chẽ. Bị cáo Cầm Văn H đã tiếp nhận ý chí Hạng A P, biết việc cho P vay tiền của ngân sách xã là trái công vụ, vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Trong vụ án, Hạng A P giữ vai trò là người chủ mưu, khởi xướng và đặt vấn đề vay tiền còn Cầm Văn là người thực hành tích cực.

Vì vậy cần vận dụng Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với vụ án có đồng phạm, bị cáo Hạng A P có vai trò lớn hơn phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn, bị cáo Cầm Văn H có vai trò thấp hơn, cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Cầm Văn H không có tình tiết tăng nặngtrách nhiệm hình sự.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, mặc dù chưa bồi hoàn được tất cả thiệt hại do bị cáo gây ra nhưng bị cáo đi vay mượn, vận động gia đình giúp đỡ để bồi thường, bồi hoàn trong khả năng của bản thân đã thể hiện tinh thần tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Nên bị cáo Cầm Văn H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định

tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Hạng A P có một tiền án ngày 24/11/2015 Hạng A P bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Hạng A P, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Nên bị cáo Hạng A P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015.Bị cáo Hạng A P phạm hai tội buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự 2015.

Ngoài các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên các bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H còn được áp dụng quy định có lợi tại điểm b khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội ban hành, thực hiện khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015 và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân củacác bị cáo. Đồng thờicách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạocác bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

[4] Bị cáo Hạng A P đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình. Bị cáo Cầm Văn H đã bị tạm giữ, tạm giam 01 năm 24 ngày (từ ngày 23/5/2017 đến ngày 16/6/2018) được tại ngoại sẽ được xem xét khấu trừ vào thời gian thụ hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụquy định: "Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng". Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội trộm cắp tài sản quy định "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Do đó các bị cáo còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ và có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét bị cáo Hạng A P đã bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, bị cáo Cầm Văn H đã bị chấm dứt hợp đồng lao động, hiện các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cácbị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Cầm Văn H nộp bồi Thường cho Đảng uỷ, UBND xã M với tổng số tiền là 188.310.000 đồng. Còn 363.766.000 đồng anh Lừ Văn C là Chủ tịch UBND xã M đã sử dụng tiền cá nhân nộp vào quỹ xã M để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo P và bị cáo H gây ra. Tại phiên tòa, Lừ Văn C yêu cầu bị cáo Hạng A P phải bồi hoàn toàn bộ số tiền trên cho Lừ Văn C. Bị cáo Cầm Văn H yêu cầu bị cáo Hạng A P bồi hoàn cho bị cáo H số tiền 161.970.000 đồng là số tiền bị cáo H đã bồi thường thay cho bị cáo P. Bị cáo Hạng A P nhất trí. Yêu cầu của Lừ Văn C và bị cáo Cầm Văn H là có cơ sở, cần chấp nhận.

Đại diện UBND xã T – Ông Mùa A C – Chủ tịch UBND xã T yêu cầu bị cáo Hạng A P phải bồi thường cho UBND xã T số tiền 288.854.000 đồng tiền bị cáo đã lấy trộm, tiền trị giá 2 chiếc két sắt bị thiệt hại là 3.250.000 đồng và một ổ khóa việt tiệp bị hỏng là 50.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh Mùa A T1 yêu cầu Hạng A P phải bồi thường số tiền 9.976.000 đồng, anh Mùa A C1 yêu cầu P bồi thường số tiền 25.000 đồng tiền Hạng A P đã chiếm đoạt, là có cơ sở, cần chấp nhận.

Cần căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự để xử lý.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream màu sơn nâu; BKS 26D1- 08942; 01 đăng ký môtô, xe máy số 011166 do Công an huyện P, tỉnh Sơn La cấp ngày 19/7/2013, mang tên Cầm Văn H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bạc, có số model code: NP-RV509-A01VN; số s/n: EZVK93NB500008Z là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Cầm Văn H không liên quan đên hành vi phạm tội song cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án về án phí của bị cáo.

Đối với số tài sản gồm: 01 con dao mũi bằng, chuôi bằng tre; 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, màu đỏ đen;01 chiếc mũ tai bèo đã cũ màu hồng, có khẩu trang che mặt; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có 01 khóa Việt Tiệp; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có mẫu mạt sắt; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có vỏ công tắc điện; 01 con dao cho vào tờ giấy báo niêm phong; 01 vỏ đựng giấy A4 đã niêm phong; 18 tập tiền mô hình bằng giấy;01 quả tạ tay mô hình; 01 con dao mô hình; 01 chai nước loại 1,25lít. Số vật chứng trên một số là công cụ, phương tiện bị cáo Hạng A P sử dụng vào việc phạm tội, một số vật chứng và những vật dụng cơ quan chức năng sử dụng để thực nghiệm điều tra không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 quả tạ tay bằng kim loại nặng 16kg, hai đầu hình trụ tròn, đường kính 10cm bị cáo Hạng A P lấy của Ủy ban nhân dân xã T làm công cụ phạm tội cần trả lại cho Ủy ban nhân dân xã T.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng qua quá trình điều tra, xác minh xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Mùa A C1, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho anh Mùa A C1.

Đối với số giấy tờ gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 050668236 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 25/7/2007, mang tên Vàng A C; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AF733617 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên bái cấp ngày 16/6/2008, mang tên Vàng A C là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh C, anh C đã làm rơi, bị cáo Hạng A P nhặt được. Anh C có đề nghị được nhận lại số giấy tờ trên, cần trả lại cho anh Vàng A C.

Đối với số tài sản gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đen xanh, Biển kiểm soát: 26D1 22863, số máy: JA36E0505244, số khung: 3652GY029307, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010846 do Công an huyện P cấp ngày 11/7/2017, mang tên Vàng A C; 01 chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu OPPO A83, kiểu máy CPA1729, kèm theo 01 sim điện thoại có số thuê bao 0123.766.7151. Xét số tài sản này bị cáo Hạng A P đã sử dụng số tiền trong tổng số tiền trộm cắp được để mua, không phải tài sản được hưởng lợi do hành vi phạm tội mà có. Do đó cần chấp nhận ý kiến của bị cáo thu giữ bán đấu giá lấy tiền trả trừ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã T và anh Mùa A T. Cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[8] Đối với Lừ Văn C là Chủ tịch UBND xã M đã giao nhiệm vụ cho Cầm Văn H thực hiện nhiệm vụ đi rút tiền tại Kho bạc Nhà nước huyện B. Sau khi giao nhiệm vụ cho H, C đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của H, nên không phát hiện việc Hoàn sử dụng số tiền rút được cho Hạng A P vay trái phép, gây thiệt hại cho ngân sách Ủy ban nhân dân xã với tổng số tiền là 513.766.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi hành vi phạm tội của Cầm Văn H, Hạng A P bị phát giác, Lừ Văn C đã đến Kho bạc Nhà nước huyện B kiểm tra tài khoản, thì phát hiện vi phạm của hai bị cáo, C đã chủ động báo cáo với cơ quan chức năng và khai báo rõ sự việc góp phần có hiệu quả vào việc điều tra làm rõ tội phạm và người phạm tội. Đồng thời chủ động lấy tiền của gia đình và vay mượn tiền của anh em bạn bè nộp vào quỹ của xã M để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Ngày 05/7/2017, UBND huyện B đã ra Quyết định số 1241/QĐ- UBND xử lý kỷ luật đối với Lừ Văn C bằng hình thức: Cảnh cáo. Hành vi của Lừ Văn C không còn nguy hiểm cho xã hội, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không đặt vấn đề xử lý về hình sự đối Lừ Văn C là có căn cứ.

Đối với Lừ Văn X: Là phó Bí thư Đảng uỷ xã M là người giao nhiệm vụ cho bị cáo Cầm Văn H đi rút tiền của đảng ủy xã tại Kho bạc huyện B với tổng số tiền là 38.310.000 đồng. Tại thời điểm bị cáo H sử dụng số tiền rút được từ Kho bạc và cho bị cáo Hạng A P vay trái phép, do không kiểm tra, giám sát nên Lừ Văn X không biết sự việc bị cáo H cho bị cáo P vay tiền. Sau khi sự việc được phát hiện, anh Lừ Văn X đã yêu cầu Cầm Văn H nộp trả lại đầy đủ số tiền 38.310.000 đồng cho Đảng uỷ xã. Hiện tại, bị cáo H đã nộp đủ số tiền trên để khắc phục hậu quả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý hình sự đối với Lừ Văn X là có căn cứ.

Đối với Mùa A C, Chủ tịch UBND xã T; Mùa A T1, Thủ quỹ xã T và Lộc Thị Thu H là Kế toán xã T đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao. Khi Hạng A P thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, sự việc sảy ra vào ban đêm, ngoài giờ hành chính, anh C, anh T1, chị H đều không biết do vậy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với Mùa A C, Mùa A T1 và Lộc Thị Thu H.

[9] Về án phí:Theo quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thì bị cáo Hạng A P là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã L là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Cầm Văn H không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Hạng A P và Cầm Văn H phạm tội: "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Tuyên bố bị cáo Hạng A P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 3 Điều 281; khoản 3 Điều 138; điểmpkhoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 356; khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Hạng A P 07 năm (bảy năm) tù về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"; Xử phạt bị cáo Hạng A P 08 năm (tám năm) tù về tội "Trộm cắp tài sản" . Buộc bị cáo Hạng A P phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 15 năm (mười lăm năm) tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày 16/5/2018 là ngày bắt tạm giam, giữ đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 281; điểm b, pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Cầm Văn H 03năm (ba năm) 06 tháng (sáu tháng) tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 01 năm (một năm) 24 ngày (hai mươi bốn ngày) (từ ngày 23/5/2017 đến ngày 16/6/2018) bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 02 năm (hai năm) 05 tháng (năm tháng) 06 ngày (sáu ngày) tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Hạng A P phải bồi hoàn cho anh Lừ Văn C số tiền 363.766.000 đồng (ba trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) và bồi hoàn cho bị cáo Cầm Văn H số tiền 161.970.000 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Hạng A P phải bồi thường cho UBND xã T tổng số tiền là 292.154.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu một trăm năm mươi tư ngàn đồng) (trong đó gồm: 288.854.000 đồng tiền mặt, 3.250.000 đồng tiền trị giá 2 chiếc két sắt bị thiệt hại và 50.000 đồng giá trị một ổ khóa việt tiệp).

Buộc bị cáo Hạng A P phải bồi thường cho anh Mùa A T số tiền 9.976.000 đồng (chín triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) và bồi thường cho anh Mùa A C1 25.000 đồng (hai mươi lăm ngàn đồng).

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số tài sản gồm: 01 con dao mũi bằng, chuôi bằng tre; 01 chiếc ba lô bằng sợi tổng hợp, màu đỏ đen;01 chiếc mũ tai bèo đã cũ màu hồng, có khẩu trang che mặt; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Việt Đức furniture; 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 cánh cửa két sắt nhãn hiệu Hòa Phát; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có 01 khóa Việt Tiệp; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có mẫu mạt sắt; 01 bì thư do bưu điện phát hành bên trong có vỏ công tắc điện; 01 con dao cho vào tờ giấy báo niêm phong; 01 vỏ đựng giấy A4 đã niêm phong; 18 tập tiền mô hình bằng giấy;01 quả tạ tay mô hình; 01 con dao mô hình; 01 chai nước loại 1,25lít.

Trả lại cho Ủy ban nhân dân xã T 01 (một) quả tạ tay bằng kim loại nặng 16kg, hai đầu hình trụ tròn, đường kính 10cm.

Trả lại cho anh Mùa A C1 số tiền 4.000.000 đồng.

Trả lại cho anh Vàng A C số tài sản gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 050668236 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 25/7/2007, mang tên Vàng A C; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số AF733617 do Sở giao thông vận tải tỉnh Yên bái cấp ngày 16/6/2008, mang tên Vàng A C.

Thu giữ của bị cáo Hạng A P số tài sản gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đen xanh, Biển kiểm soát: 26D1 22863, số máy: JA36E0505244, số khung: 3652GY029307, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 010846 do Công an huyện P cấp ngày 11/7/2017, mang tên Vàng A C; 01 chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu OPPO A83, kiểu máy CPA1729, kèm theo 01 sim điện thoại có số thuê bao 0123.766.7151. Số tài sản trên được bán đấu giá lấy tiền trả trừ vào số tiền bị cáo Hạng A P chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã T và của anh Mùa A T.

Tạm giữ của bị cáo Cầm Văn H số tài sản gồm: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream màu sơn nâu; BKS 26D1- 08942; 01 đăng ký môtô, xe máy số 011166 cấp ngày 19/7/2013, mang tên Cầm Văn H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen, bạc, có số model code: NP-RV509-A01VN; số s/n: EZVK93NB500008Z để bảo đảm thi hành án về tiền án phí của bị cáo.

Về Án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Cầm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Hạng A P.

Báo cho các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Vàng A C vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

***Nơi nhận:***
-Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
-Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
-VKSND huyện B;
-CA huyện B;
-Trại tạm giam;
-Chi cục THADS huyện B;
-Các bị cáo;
- Bị hại, NCQLNV liên quan;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Tùng**